| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Sơn Hùng
Bà Lương Thảo Vy

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên toà.***

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 83/2022/QĐHPT ngày 21/4/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Lê Thị K, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 16, ấp BM, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. SĐT: 0796.482.292. có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 16, ấp BM, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. SĐT: 0907.730.358. có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lê Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông D do tự quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 1994, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã BM. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này thì phát sinh mâu thuẫn do ông D có người phụ nữ bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông không sửa đổi.

Hơn mười mấy năm nay, bà và ông D không còn sống chung với nhau, ông D đi đâu đó vài tháng mới về một lần và từ tết cho đến nay thì không hề về nhà.

Kinh tế thì tự làm riêng, bà và 02 con gái sống và làm ở Sài Gòn, ông D đi đâu làm gì không rõ. Việc ông D có người phụ nữ bên ngoài thì bà không có chứng cứ, bà biết được là do ông D tự nói cho bà biết.

Thời gian sau này ông D quay về kêu bà đưa cho ông khoảng 300 triệu đồng để trả nợ thì ông sẽ quay về sống luôn cùng bà và các con, không thì ông không về. Bà không đồng ý đưa tiền cho ông D, việc ông D làm ăn nợ nần như thế nào, bà không biết, ông không có đưa tiền lo cho mẹ con bà nay kêu bà đưa tiền nên bà không đồng ý.

Vào khoảng tháng 5/2021 bà có gửi đơn ly hôn nhưng do tình hình dịch bệnh nên bà không thể tham gia theo giấy Toà án mời vì vậy nay bà gửi đơn lại. Bà và ông D đã không còn tình cảm, bà kiên quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều KD, sinh ngày 22/12/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/02/2001. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

*- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Với yêu cầu ly hôn của bà K thì ông không đồng ý. Theo ông thì ông không có lỗi gì trong đời sống hôn nhân. Hiện ông đang ở Bình Dương, bà K và các con sống ở Sài Gòn. Lý do ông sống ở Bình Dương là do ông đi làm, việc bà K trình bày ông có người phụ nữ khác là không đúng.

Khoảng mười mấy năm nay, ông đi làm ăn bên ngoài nên không sống chung nhà với bà K nhưng thi thoảng ông vẫn có về nhà, khoảng vài tuần là ông về một lần. Tiền bạc thì do bà K và các con đều có nên ông không đưa tiền thêm. Từ tết đến nay ông không về là do ông giận 02 đứa con gái, không có mâu thuẫn gì với bà K. Do ông thiếu nợ, kêu bà K đưa tiền để trả mà bà không đồng ý vì vậy ông tiếp tục đi làm mà không về sống chung nhà được.

Ông kiên quyết không đồng ý ly hôn, một là bà K đưa tiền ra cho ông trả nợ để ông quay về sống chung với bà, hai là bà K tiếp tục cho ông đi làm ăn bên ngoài thêm khoảng 01 năm nữa rồi ông sẽ quay về sống chung.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều KD, sinh ngày 22/12/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/02/2001. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***Tại phiên toà:***

Bị đơn trình bày: không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K, do ông không có lỗi và giữa vợ chồng cũng không có cự cãi gì với nhau. Trước đây, ông bà cùng nhau đi bán hàng, sinh sống chung nhà chỉ có khoảng 4,5 năm gần đây bà K đi bán riêng và bà sống cùng các con, còn ông thì đi lòng vòng thành phố, Bình Dương chơi cùng bạn bè, khoảng vài ngày hoặc cuối tuần ông có về nhà một lần. Từ tết

đến nay ông không về nhà là do ông mượn tiền con gái mà con gái không cho nên ông giận và không về. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà K thì ông không đồng ý, ông yêu cầu để cho thời gian thêm 01 năm để ông đi làm bên ngoài, thu xếp công việc xong thì ông quay về chung sống với bà K. Tuy nhiên ông không trình bày được công việc cụ thể ông làm gì và sinh sống ở đâu. Về con chung đã lớn nên ông không có ý kiến. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D, địa chỉ cư trú của ông D là tại xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà K và ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà K có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà K và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay bà K yêu cầu ly hôn do ông D có người phụ nữ bên ngoài, không quan tâm chăm lo cho vợ con dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông không thay đổi, nay tình cảm đã không còn nên bà kiên quyết ly hôn.

[2.2] Đối với yêu cầu ly hôn của bà K thì ông D không đồng ý, ông cho rằng ông không có lỗi, thời điểm ông đi lòng vòng cùng bạn bè không chung sống, sinh hoạt hay làm kinh tế chung với gia đình thì bà K cũng đã có tiền riêng, có thể tự làm ăn sinh sống riêng, các con thì cũng đã lớn không cần chăm sóc. Theo ông giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, ông yêu cầu cho thêm thời gian 01 năm sau đó ông sẽ quay về chung sống cùng bà K.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Nhưng giữa ông D và bà K trong suốt thời gian dài vừa qua đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, hỗ trợ nhau trong cuộc sống, cụ thể bà K và ông D tự làm kinh tế riêng, không sống chung nhà. Ông D cho rằng vợ và các con đã có thể tự chăm lo bản thân tốt nên ông bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con, bỏ mặc vợ con trong khoảng 04 – 05 năm nay, không thể hiện trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình. Nay bà K yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý và ông yêu cầu ly thân thêm 01 năm sau đó ông sẽ quay về chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy phương án ông D đưa ra không thể nào hoà giải

mâu thuẫn, gàn gắn tình cảm gia đình, bởi nếu mong muốn đoàn tụ thì ông cần quay về chung sống, cùng quan tâm, yêu thương vợ con. Đồng thời bà K cũng không đồng ý với ý kiến của ông D, bà kiên quyết ly hôn và xin xét xử vắng mặt bà. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà K với ông D là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều KD, sinh ngày 22/12/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/02/2001. Các con đã thành niên và có khả năng lao động. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

[2.5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị K ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187, ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị K và ông Nguyễn Ngọc D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều KD, sinh ngày 22/12/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/02/2001. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003550 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Hường**